`

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 222/2025/DS-PT
Ngày: 16 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5 và ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 58/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1988, trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Minh T1: Ông Nguyễn Vũ P1, sinh năm 1992, trú tại: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang là người đại diện theo uỷ quyền (có mặt).

2. Bà Phạm Kim X, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Kim X: Bà Huỳnh Yến D, sinh năm 2000, trú tại: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T1, bà Phạm Kim X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2024 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:

Từ năm 2014 ông Nguyễn Văn P có bán thuốc, thức ăn, vật tư nuôi thuỷ sản cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X đến ngày 24 tháng 7 năm 2020 hai bên chốt công nợ ông T1 còn nợ ông P số tiền 403.855.000 đồng, ông T1 có ký vào biên bản xác nhận công nợ. Sau khi chốt công nợ ông T1 tiếp tục mua thuốc, thức ăn, vật tư nuôi thuỷ sản của ông P. Trong quá trình mua bán thuốc, thức ăn, vật tư nuôi thuỷ sản đến tháng 9 năm 2021, ông T1 và ông P chấm dứt việc mua bán và ông T1 còn nợ ông P số tiền 425.350.000 đồng. Tổng cộng ông T1 còn nợ ông P số tiền 829.205.000 đồng, con ông Trung chuyển trả 100.000.000 đồng, còn nợ lại 729.205.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X trả cho ông P số tiền 729.205.000 đồng.

** Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh T1 trình bày*: Thừa nhận ông Nguyễn Minh T1 có mua thức ăn, tôm của ông Nguyễn Văn P, đến năm 2020 ông T1 có xác nhận nợ tiền của ông P với số tiền 403.855.000 đồng. Sau đó ông T1 có trả cho ông P số tiền 100.000.000 đồng chỉ còn nợ ông P số tiền 303.855.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả cho ông P số tiền 303.855.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Số tiền ông T1 nợ ông P là nợ riêng của ông T1 không liên quan đến vợ ông T1 là bà Phạm Kim X. Đối với số tiền 403.855.000 đồng tại bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020 ông T1 đã trả cho ông P xong thể hiện tại tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 8 năm 2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nợ cũ 540.420.000 đồng, khách đưa 540.420.000 đồng. Đối với khoản nợ 425.350.000 đồng sau năm 2020 con ông T1 đã chuyển trả cho ông P 100.000.000 đồng chỉ còn nợ 325.350.000 đồng. Ông T1 chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 325.350.000 đồng

** Bà Phạm Kim X trình bày:* Ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 và bà trả số tiền 730.089.000 đồng, bà không đồng ý vì việc mua bán giữa ông T1 và ông P bà không biết, đồng thời bà không có giao dịch mua bán với ông P nên bà không đồng ý trả tiền cho ông P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 729.205.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suaatschaamj thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 15/01/2025, bà Phạm Kim X kháng cáo và ngày 21/01/2025, ông Nguyễn Minh T1 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền 325.350.000 đồng và không đồng ý liên đới với bà X thanh toán nợ; Bà X kháng cáo không đồng ý liên đới thanh toán nợ.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1 ,bà Phạm Kim X giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của các ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X còn trong hạn luật định.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 cho rằng số tiền 403.855.000 đồng theo bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020, ông T1 đã trả xong thể hiện tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 8 năm 2020, nên ông T1 chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 325.350.000 đồng.

[3] Đối với số tiền 403.855.000 đồng theo bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020 người đại diện hợp pháp của ông T1 cho rằng ông T1 đã trả cho ông P xong, thể hiện tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 8 năm 2020, do nguyên đơn cung cấp thể hiện nợ cũ 540.420.000 đồng, khách đưa 540.420.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng số tiền 540.420.000 đồng thể hiện tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 08 năm 2020 là khoản tiền khác giữa ông P và ông T1 đã đối chiếu thanh toán xong vào ngày 24 tháng 7 năm 2020, nên vào ngày 24 tháng 7 năm 2020 ông T1 mới ký bản xác nhận công nợ.

[4] Xét thấy, tại bản đối chiếu công nợ (bút lục số 284) thể hiện ông T1 còn nợ ông P số tiền 540.420.000 đồng tại phần viết tay thể hiện ngày 24 tháng 7 năm 2020 các bên đã đối trừ số tiền xong số tiền 540.420.000 đồng và ông T1 còn nợ ông P số tiền 403.855.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông T1.

Bà T đại diện nguyên đơn cho là việc đối chiếu trên máy nên để chữ "Khách đưa" thực tế ngày 02/8/2020 ông T1 không có đưa tiền cũng không có thanh toán tiền mà số tiền này nhận 03 lần. Lần thứ nhất bằng tiền mặt khi lên tôm, hai lần sau bằng chuyển khoản lần 100.000.000 đồng và lần 300.000.000 đồng ngày

10/7/2020, trước ngày kết toán xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020 (bút lục 05, 06) có chữ ký của ông T1 thể hiện ông T1 còn nợ ông P số tiền 403.855.000 đồng sau đó ông T1 tiếp tục mua hàng nhiều lần đến tháng 10/2021. Người đại diện hợp pháp của ông T1 cho rằng số tiền 403.855.000 đồng ông T1 đã trả cho ông P xong thể hiện tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 8 năm 2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nợ cũ 540.420.000 đồng, khách đưa 540.420.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong số tiền 540.420.000 đồng tại hoá đơn bán hàng ngày 02 tháng 8 năm 2020 có số tiền 403.855.000 đồng ông T1 nợ ông P, hơn nữa nếu ông T1 cho là ngày 02/8/2020 có thanh toán 540.420.000 đồng đã đối trừ hết nợ thì bản thân ông P phải thiếu lại ông T1. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2024 và biên bản hoà giải ngày 27 tháng 11 năm 2024 người đại diện hợp pháp của ông T1 thừa nhận ông T1 còn nợ ông P số tiền 403.855.000 đồng theo bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020. Do đó, ông P yêu cầu ông T1 trả số tiền 403.855.000 đồng theo bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 7 năm 2020 là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 729.205.000 đồng.

[5] Đối với đoạn ghi âm do bà T cung cấp và xác định là chị và bà X có cuộc gọi Zalo nói chuyện về việc mua bán đất để trả số nợ còn thiếu lại. “Xuân: của con Bảy trăm Ba; T: Của con bảy trăm ba chục triệu; X: Uhm”. Tòa án có mời bà X đến Tòa án để xác định giọng nói nhưng bà X không có mặt, tại tờ trình bà X có thừa nhận “Của con bảy trăm ba” do đó chứng cứ này phù hợp với các chứng hóa đơn có tại hồ sơ, cho nên án sơ thẩm buộc ông T1 trả cho ông P số tiền 729.205.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với bà Phạm Kim X cùng ông T1 trả nợ: Bà X cho rằng việc mua bán giữa ông T1 và ông P bà không biết, đồng thời bà không có giao dịch mua bán với ông P nên bà không đồng ý trả tiền cho ông P. mặc dù ông T1, bà X mới đăng ký kết hôn vào năm 2024, nhưng ông T1 và bà X chung sống như vợ chồng đã hơn 20 năm, tuy nhiên trong quá trình ông T1 mua thức ăn của ông P thì bà X nhiều lần chuyển tiền trả cho ông P thông qua tài khoản của con ông P là Nguyễn Cẩm T; cụ thể: Ngày 04/3/2021 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 05/3/2021 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 06/3/2021 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 05/10/2021 chuyển 100.000 đồng (Bút lục 73,74,75,76). Do đó, bà X cho rằng không biết việc ông T1 mua thức ăn của ông P là không có cơ sở chấp nhận. Việc ông T1 mua thức ăn nuôi tôm để nuôi tôm công nghiệp, phục vụ nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất kinh tế gia đình nên bà X phải có nghĩa vụ cùng có trách nhiệm với ông T1 thanh toán nợ là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo, không cung cấp chứng cứ nào mới, để chứng minh cho việc kháng cáo. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà X.

[7] Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân là hoàn toàn phù hợp với các phân tích trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 33.168.200 đồng.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1, bà X phải chịu mỗi người 300.000 đồng. Ông T1, bà X mỗi người đã dự nộp số tiền 300.000 đồng, được chuyển thu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 729.205.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà X không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Kim X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 33.168.200 đồng (ba mươi ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1, bà X phải chịu mỗi người 300.000 đồng. Ngày 21/01/2025 ông T1, bà X mỗi người đã dự nộp số tiền 300.000 đồng lai số 0003751; 0003752 tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đã ký

Dương Hùng Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào **Châu Minh Hoàng** **Dương Hùng Q**